

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 87/2021/QĐST- HNGĐ

*Thái Thụy, ngày 21 tháng 6 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật

Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Đồng Văn H, sinh năm 1973.

Nơi ĐKKHKT: Số 4 Ngách 481/1, phường L, quận B, TP. Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Số nhà 291, tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Luật sư Lê Quang H1 - Giám đốc Công ty Luật hợp doanh TL thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội

- **Bị đơn:** Chị Đào Thị Thu H1, sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT: Số 4 Ngách 481/1, phường L, quận B, TP. Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Số nhà 291, tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1941.

Nơi cư trú: Số nhà 291, tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T.

Địa chỉ: tổ dân phố số 6, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Việt H2 - Cán bộ tín dụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đồng Văn H và chị Đào Thị Thu H1

- **Về con chung:** Anh H và chị H1 thỏa thuận anh H trực tiếp nuôi con chung là Đồng Hà M, sinh ngày 17/6/2008, chị H1 trực tiếp nuôi con chung là Đồng Bạch D, sinh ngày 24/12/2010, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên đều có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh H, chị H1 và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung như sau:

+ **Về tài sản:** Anh H được sở hữu và sử dụng thửa đất số 111 tờ bản đồ số 39 diện tích đất 427m<sup>2</sup> và ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất có diện tích 212,6m<sup>2</sup> mang tên anh Đồng Văn H và chị Đào Thị Thu H1 có địa chỉ số 291, tổ dân phố số A, thị trấn D, huyện T tỉnh Thái Bình.

Thửa đất và ngôi nhà trên theo kết quả của Hội đồng định giá có trị giá 8.832.612.000 đồng.

Chị H1 được sở hữu và sử dụng thửa đất số 707 tờ bản đồ số 19 diện tích đất 272,8m<sup>2</sup> và ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất này có diện tích 135m<sup>2</sup>, nhà xưởng diện tích 94m<sup>2</sup> mang tên anh Đồng Văn H và chị Đào Thị ThuH1 tại địa chỉ thôn L1, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Thửa đất, nhà 03 tầng và nhà xưởng trên theo kết quả của Hội đồng định giá có trị giá 1.641.075.000 đồng.

Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch cho nhau.

Ngoài ra anh H, chị H1 tự thỏa thuận phân chia các tài sản trong gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**+ Về nợ chung:**

- Anh H có trách nhiệm trả khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV-202008132 ngày 12/11/2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T tiền nợ gốc 6.480.000.000 đồng + tiền lãi tính đến 25/06/2021 là 213.140.164 đồng. Đối với khoản nợ này Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T chưa yêu cầu anh H phải trả, khi nào ngân hàng có yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Chị H1 có trách nhiệm trả khoản nợ khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 3408-LAV- 202005626 ngày 31/7/2020 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng + tiền lãi tính đến ngày 25/6/2021 là 53.595.616 đồng. Đối với khoản nợ này Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T chưa yêu cầu chị H1 phải trả, khi nào ngân hàng có yêu cầu chị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

**Về án phí:** Anh H nhận chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0002419 ngày 21/10/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, anh H đã nộp xong án phí này.

Anh H được chia giá trị tài sản là 8.832.612.000 đồng nên anh H phải chịu 116.832.612 đồng (*112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng*) án phí chia tài sản. Chuyển 58.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0002418 ngày 21/10/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí, anh H còn phải nộp 58.332.612 đồng.

Chị H1 được chia giá trị tài sản là 1.641.075.000 đồng nên chị H1 phải chịu 61.232.250 đồng (*36.000.000 đồng + 3% của phần trị giá tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng*) án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- UBND xã L
- UBND thị trấn D
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Ngô Thế Tương**